

Bản án số: **167/2020/DS-PT**.

Ngày: 13-11-2020.

“*Tranh chấp yêu cầu công nhận quyền
sử dụng đất theo di chúc và yêu cầu hủy di chúc*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Hương**;*

*Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Nhiên**;*

*Bà **Đặng Thị Bích Vân**.*

*- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Mỹ** - Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh Kiên Giang.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Ông **Trịnh Văn
Đương** - Kiểm sát viên Tham gia phiên tòa.*

Ngày 13 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang,
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng
10 năm 2020 về “*Tranh chấp yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất theo di
chức và yêu cầu hủy di chúc*”.

Do bản án sơ thẩm số: 21/2020/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2020 của
Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2020/QĐPT-DS ngày 05
tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn: Bà **Thị Chanh T**, sinh năm 1988*

Địa chỉ: Ấp A, xã D, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

*- Bị đơn: Ông **Danh M**, sinh năm 1973*

Địa chỉ: Ấp A, xã D, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

*+ Bà **Thị S**, sinh năm 1957*

*+ Bà **Lục H**, sinh năm 1961*

*+ Bà **Thị G1**, sinh năm 1964*

*+ Ông **Danh P**, sinh năm 1950*

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã D, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

*- Người phiên dịch tiếng Khmer: Ông **Danh G2** – Chuyên viên phòng
Lãnh sự người Việt Nam ở nước ngoài– Sở Ngoại vụ tỉnh Kiên Giang.*

*Người kháng cáo: Bị đơn ông **Danh M**.*

(Bà T, ông M, bà Xiện, bà Hên, bà G1, ông P, ông Danh G2 có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Thị Chanh T trình bày:

Ông bà ngoại tôi (ông Danh T1, bà Thị Ch) có 5 người con gồm ông Danh P, bà Thị S, bà Lục H, bà Thị G1 và ông Danh M. Tôi là cháu ngoại của ông Danh T1, bà Thị Ch, là con ruột của bà G1 và tôi sống với ông bà ngoại từ nhỏ đến lớn. Bà S, bà H, ông P và ông M là dì, cậu ruột của tôi. Về nguồn gốc đất mà tôi khởi kiện có diện tích đất theo đo đạc thực tế ngày 10/7/2019 là 666,7m², thuộc thửa 26, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp A, xã D, huyện G, tỉnh Kiên Giang là của ông bà ngoại tôi khai phá trước năm 1975 đến nay. Diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì nằm trong khu vực đo bao; hiện nay có chủ trương cho cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đang tranh chấp nên chưa cấp giấy được. Ông ngoại tôi (ông T1) chết năm 2005, bà ngoại tôi (bà Ch) chết năm 2014, ông bà ngoại tôi có tổng cộng là 10 công đất tầm 3 mét, loại đất hai lúa và 02 công đất tầm 3 mét, loại đất thổ cư. Khi ông bà ngoại tôi còn sống có chia đất thổ cư cho các con rồi, trong đó có ông M; phần còn lại ông bà ngoại ở là 666,7m² hiện nay tôi đang khởi kiện. Còn đất hai lúa thì chưa chia cho các con. Lúc ông ngoại tôi chết không lập di chúc cho đất các con, bà ngoại tôi trước khi chết vào ngày 29/01/2013 có lập di chúc cho tôi hết diện tích đất 666,7m². Khi làm di chúc bà ngoại tôi còn minh mẫn, có đến xã để chứng thực và có người làm chứng là Danh U, Thị L và ông Đ. Về phần đất hai lúa 10 công tầm 3 mét thì bà ngoại tôi chưa làm di chúc cho ai.

Nguyên vọng: Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận cho tôi diện tích đất theo đo đạc thực tế ngày 10/7/2019 là 666,7m², thuộc thửa 26, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp A, xã D, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo di chúc của bà ngoại tôi lập ngày 29/01/2013 và buộc ông M chấm dứt hành vi ngăn cản tôi canh tác đất này. Ngoài ra, tôi không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Danh M trình bày:

Cha mẹ tôi (ông Danh T1, bà Thị Ch) có 5 người con gồm ông Danh P, bà Thị S, bà Lục H, bà Thị G1 và ông Danh M (trong đó có ông P, bà S là một mẹ khác cha).

Về phần đất mà bà Thị Chanh T khởi kiện thì tôi không biết diện tích bao nhiêu nhưng theo đo đạc thực tế ngày 10/7/2019 là 666,7m² và phần đất này chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn lý do chưa cấp thì tôi không biết. Về nguồn gốc đất là của cha mẹ tôi khai phá và canh tác cho đến khi chết. Khi cha mẹ còn sống đều cho đất thổ cư các con hết nhưng phần của tôi là 01 công tầm 3 mét, còn phần của bà G1, bà H và bà S thì mỗi người ngang khoảng 4 mét còn dài bao nhiêu tôi không biết. Đối với ông Danh P thì cha mẹ cho chỗ khác khoảng nửa công tầm 3 mét.

Cha tôi (Danh T1) chết năm nào tôi không nhớ, còn mẹ tôi (Thị Ch) chết năm 2014. Khi cha tôi chết không làm di chúc, còn mẹ tôi chết có làm di chúc đất hai lúa là 10 công tầm 3 mét cho tôi. Đối với di chúc mà mẹ tôi lập cho T thì

tôi không đồng ý, lý do T là cháu không được hưởng mà cho con thì tôi đồng ý. Nếu di chúc cho T là hợp pháp thì tôi cũng không công nhận luôn. Về việc Thị Chanh T có ở với cha mẹ tôi từ nhỏ là đúng nhưng sau đó có chồng thì về bên chồng sống không có ở trên đất này. Ngoài ra, trước khi mẹ tôi chết thì ngoài phần đất tranh chấp này thì mẹ tôi không còn phần đất nào khác.

Nguyên vọng: Tôi không thừa nhận di chúc mà mẹ tôi lập cho Thị Chanh T ngày 29/01/2013 vì đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà làm di chúc và tôi yêu cầu công nhận diện tích đất theo đo đạc thực tế ngày 10/7/2019 là 666,7m², thuộc thửa 26, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp A, xã D, huyện G, tỉnh Kiên Giang cho tôi được hưởng và không yêu cầu chia thừa kế. Đồng thời, tôi không yêu cầu phần đất thổ cư mà cha mẹ tôi đã chia cho anh em tôi trước đây. Đối với 10 công đất tầm 3 mét thì tôi không yêu cầu luôn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Thị S trình bày:

Tôi xác định cha mẹ tôi có 5 người con như ông M, bà T trình bày là đúng. Tôi là con thứ 3. Cha mẹ tôi có tổng cộng là 10 công đất tầm 3 mét, loại đất hai lúa và 02 công đất tầm 3 mét, loại đất thổ cư. Về nguồn gốc đất là cha mẹ tôi khai phá trước giải phóng, hiện nay cha mẹ tôi chết hết rồi. Lúc còn sống thì cha mẹ tôi (ông Danh T1, bà Thị Ch) có chia đất thổ cư cho 5 người trong đó thì tôi, bà H, bà G1 mỗi người được ngang 4 tầm 3 mét x 21 tầm 3 mét còn phần ông M là 01 công tầm 3 mét nên cha mẹ còn lại là 666,7m² mà T đang khởi kiện. Ông P được nửa công tầm 3 mét mà mẹ tôi mua riêng cho ông P. Về đất ruộng là 10 công tầm 3 mét thì cha mẹ chưa chia cho ai còn ông M nói mẹ tôi di chúc cho ông là không có. Cha tôi (Danh T1) chết năm 2005, còn mẹ tôi (Thị Ch) chết năm 2014. Lúc cha tôi chết không có lập di chúc gì cả còn mẹ tôi trước khi chết bà có làm di chúc cho cháu ngoại là Thị Chanh T diện tích đất là 666,7m² và di chúc mẹ tôi lập ngày tháng năm nào tôi không nhớ. Theo quy định của pháp luật thì tôi cũng được hưởng tài sản của cha mẹ chết để lại. Nếu di chúc của mẹ tôi lập cho cháu T hợp pháp thì tôi yêu cầu công nhận cho cháu, tôi không yêu cầu. Trường hợp di chúc không hợp pháp thì tôi yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật và phần của tôi được hưởng thì tôi giao cho cháu tôi là Thị Chanh T.

Nguyên vọng: Tôi yêu cầu Tòa giải quyết công nhận di chúc mà mẹ tôi lập cho cháu tôi là Thị Chanh T diện tích đất theo đo đạc thực tế ngày 10/7/2019 là 666,7m² và yêu cầu buộc ông M chấm dứt hành vi bao chiếm đất để cho cháu tôi canh tác. Đối với phần thổ cư như tôi trình bày trên là cha mẹ chia cho các con rồi và canh tác từ lâu nên tôi không yêu cầu gì cả. Về phần 10 công đất tầm 3 mét chưa tranh chấp nên tôi cũng không yêu cầu. Đồng thời, tôi cũng không yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này. Ngoài phần đất này thì mẹ tôi không còn phần đất nào khác nữa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lục H trình bày:

Tôi thống nhất với ý kiến của bà S nêu trên về nguồn gốc đất, việc mẹ tôi cho đất anh chị em và lập di chúc là đúng nên tôi không có ý kiến thêm gì. Hơn nữa, cháu Thị Chanh T sống với cha mẹ tôi từ nhỏ đến nay nên tôi yêu cầu công nhận phần đất này cho cháu tôi.

Nguyên vọng: Tôi yêu cầu Tòa giải quyết công nhận di chúc mà mẹ tôi lập cho cháu tôi là Thị Chanh T diện tích đất theo đo đạc thực tế ngày 10/7/2019 là 666,7m² và yêu cầu buộc ông M chấm dứt hành vi bao chiếm đất để cho cháu tôi canh tác. Đối với phần thổ cư như tôi trình bày trên là cha mẹ chia cho các con rồi và canh tác từ lâu nên tôi không yêu cầu gì cả. Về phần 10 công đất tầm 3 mét chưa tranh chấp nên tôi cũng không yêu cầu. Đồng thời, tôi cũng không yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này. Ngoài phần đất này thì mẹ tôi không còn phần đất nào khác nữa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Thị G1 trình bày:

Tôi thống nhất với ý kiến của bà S và H nêu trên về nguồn gốc đất, việc mẹ tôi cho đất anh chị em và lập di chúc là đúng nên tôi không có ý kiến thêm gì. Hơn nữa, tôi là mẹ ruột Thị Chanh T và là chị ruột ông M nên khi mẹ tôi còn sống có làm di chúc cho con tôi và con tôi cũng sống với cha mẹ tôi từ nhỏ đến nay nên tôi yêu cầu công nhận phần đất này cho con tôi.

Nguyên vọng: Tôi yêu cầu Tòa giải quyết công nhận di chúc mà mẹ tôi lập cho Thị Chanh T diện tích đất theo đo đạc thực tế ngày 10/7/2019 là 666,7m² và yêu cầu buộc ông M chấm dứt hành vi bao chiếm đất để đất cho con tôi canh tác. Đối với phần thổ cư như tôi trình bày trên là cha mẹ chia cho các con rồi và canh tác từ lâu nên tôi không yêu cầu gì cả. Về phần 10 công đất tầm 3 mét chưa tranh chấp nên tôi cũng không yêu cầu. Đồng thời, tôi cũng không yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này. Ngoài phần đất này thì mẹ tôi không còn phần đất nào khác nữa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Danh P trình bày:

Tôi là con thứ 2 của ông T1, bà Ch. Tôi thống nhất với ý kiến của bà S, bà G1 và H nêu trên về nguồn gốc đất cũng như việc cha mẹ tôi cho đất anh chị em tôi và lập di chúc cho đất cháu T là đúng nên tôi không có ý kiến thêm gì. Hơn nữa, cháu Thị Chanh T sống với cha mẹ tôi từ nhỏ đến nay nên tôi yêu cầu công nhận phần đất này cho cháu tôi.

Nguyên vọng: Tôi yêu cầu Tòa giải quyết công nhận di chúc mà mẹ tôi lập cho cháu tôi là Thị Chanh T diện tích đất theo đo đạc thực tế ngày 10/7/2019 là 666,7m² và yêu cầu buộc ông M chấm dứt hành vi bao chiếm đất để đất cho cháu tôi canh tác. Đối với phần thổ cư như tôi trình bày trên là cha mẹ chia cho các con rồi và canh tác từ lâu nên tôi không yêu cầu gì cả. Về phần 10 công đất tầm 3 mét chưa tranh chấp nên tôi cũng không yêu cầu. Đồng thời, tôi cũng không yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này. Ngoài phần đất này thì mẹ tôi không còn phần đất nào khác nữa.

Người làm chứng bà Thị L1 trình bày:

Tôi không có bà con họ hàng gì với ông M và bà T mà tôi ở gần nhà bà Ch. Hơn nữa, theo tôi biết là bà T sống với bà Ch, ông T1 từ nhỏ đến lớn, sau này bà T có đi làm hay đi đâu tôi không biết nhưng tôi thấy bà T vẫn còn sống ở đây đến nay. Việc bà Ch lập di chúc cho đất bà T tôi không biết cũng không chứng kiến nên tôi không có ký tên vào di chúc ngày 29/01/2013 nào của bà Ch và bà T không có đem giấy tờ gì cho tôi ký cả.

Người làm chứng ông Huỳnh Văn Đ1 trình bày:

Tôi không có bà con họ hàng gì với ông M và T mà là xóm giềng. Hơn nữa, trước đây tôi làm Trưởng ấp A, xã D, huyện G, tỉnh Kiên Giang từ năm 2009 đến năm 2015 thì tôi nghỉ nên di chúc mà bà Ch lập ngày 29/01/2013 cho đất bà T thì tôi xác định có chứng kiến và có ký xác nhận là đúng. Lúc bà Ch lập di chúc thì bà Ch vẫn còn minh mẫn và bà Ch không biết chữ mà bà lặn tay. Sau khi bà Ch lặn tay vào di chúc xong thì bà T đưa cho tôi nên tôi mới xem xong rồi tôi mới ký tên và tôi có kêu bà T cho những người kề cận ký tên. Về việc bà Lừa, ông Uôn ký tên vào di chúc là sau khi tôi ký xác nhận. Theo tôi khẳng định là bà Ch lập di chúc cho đất bà T là đúng sự thật vì bà T sống với bà Ch, ông T1 từ nhỏ đến lớn và có hộ khẩu chung với bà Ch, ông T1. Phần ông M thì được bà Ch cho đất nhiều hơn và bà Ch chỉ còn phần đất tranh chấp này thôi, ngoài ra bà không còn đất nào khác.

*** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2020/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị Chanh T đối với bị đơn ông Danh M về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất theo di chúc diện tích theo đo đạc thực tế là 666,7m², thuộc thửa số 26 (khu đo bao ấp A), tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp A, xã D, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bác toàn bộ yêu cầu phản tố về việc yêu cầu hủy di chúc lập ngày 29/01/2019 và yêu cầu công nhận diện tích đất là 666,7m² của bị đơn ông Danh M đối với nguyên đơn bà Thị Chanh T.

Công nhận quyền sử dụng đất có diện tích theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/7/2019 là 666,7 m², thuộc thửa 26, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp A, xã D, huyện G, tỉnh Kiên Giang cho bà Thị Chanh T. Đất có vị trí và sơ đồ kèm theo như sau:

Cạnh 1 - 2 giáp phần còn lại của thửa 26 hiện nay do ông Danh M canh tác có số đo là 12,9 mét.

Cạnh 3 - 4 giáp lộ giao thông nông thôn có số đo là 12,75 mét.

Cạnh 1 - 4 giáp đất bà Thị Đ2 (hiện nay do ông Danh U con bà Đ2 canh tác) có số đo là 50,78 mét.

Cạnh 2 - 3 giáp đất bà Lục H có số đo là 52,99 mét.

Đồng thời, công nhận cho bà Thị Chanh T được sử dụng cây trồng trên đất gồm: Chuối loại A là 04 cây, loại B là 21 cây, loại C là 04 cây; tắc loại B là 02 cây; sắn loại A là 01 cây; mít loại C là 02 cây; dứa loại A là 01 cây; sao loại A là 01 cây; sừng máu loại A là 03 cây; xoài loại B là 01 cây; mai vàng loại B 01 cây và lựu loại B là 01 cây.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật bà Thị Chanh T có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục cấp giấy quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và đúng vị trí, diện tích, số đo nêu trên. Nghiêm cấm mọi hành vi cản trở bà Thị Chanh T sử dụng diện tích 666,7 m² đất.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*** Ngày 30/7/2020, ông Danh M kháng cáo với nội dung:**

Yêu cầu hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 21/2020/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang với lý do: Mẹ ông là bà Thị Ch chưa được cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà làm di chúc cho Thị Chanh T là không đúng quy định pháp luật và ông là người Khmer không nói được Tiếng Việt nhưng Tòa án huyện G không giải thích hoặc chỉ định người phiên dịch cho ông.

*** Tại P tòa phúc thẩm:**

- Ông Danh M có ý kiến: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do bà Thị Ch chưa được cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà làm di chúc cho Thị Chanh T là không đúng quy định pháp luật và ông là người Khmer không nói được Tiếng Việt nhưng Tòa án nhân dân huyện G không giải thích hoặc chỉ định người P dịch cho ông.

- Bà Thị Chanh T có ý kiến: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý nội dung quyết định bản án sơ thẩm.

- Bà Thị S, bà Lục H, bà Thị G1, ông Danh P có ý kiến: Yêu cầu công nhận di chúc cho bà Thị Chanh T, nếu không công nhận di chúc cho bà T thì đồng ý chia thừa kế theo quy định, nhận phần thừa kế và cho lại bà Thị Chanh T.

- Các đương sự đều thống nhất xác định: Vợ chồng ông Danh T1 và bà Thị Ch có 03 người con chung gồm bà Lục H, bà Thị G1 và ông Danh M. Còn bà Thị S và ông Danh P là cùng mẹ khác cha.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Nguồn gốc đất tranh chấp theo đo đạc thực tế ngày 10/7/2019 diện tích 667,6m² là của ông T1, bà Ch khai phá trước năm 1975, ngoài ra ông T1, bà Ch còn khai phá thêm đất ruộng là 10 công tầm 3 mét đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 02 công đất thổ vườn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Di chúc được xác lập vào ngày 29/01/2013, tại thời điểm lập di chúc bà Thị Ch còn minh mẫn, có người làm chứng là bà Thị L và ông Danh U1, xác nhận của Ban lãnh đạo ấp Thuận An và được UBND xã D chứng thực. Anh chị em ruột của ông M là bà Thị S, bà Thị G1, bà Lục H và ông Danh P đều công nhận di chúc và không có tranh chấp phần đất trên. Do đó, di chúc lập ngày 29/01/2013 hợp pháp.

Tuy nhiên, bà Ch chỉ có quyền định đoạt 50% trong khối tài sản chung của vợ chồng, phần đất còn lại là tài sản chung của các đồng thừa kế nhưng bà Ch tự định đoạt, lập di chúc tặng cho bà T toàn bộ diện tích đất trên vượt quá quyền hạn về tài sản, trực tiếp xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên trong gia đình trong đó có ông M.

Như vậy, phần đất bà Ch được hưởng bà Ch lập di chúc cho bà Thị Chanh T, phần đất còn lại của ông T1 phải chia cho bà Ch và 03 người con chung của ông T1 là bà Thị G1, Lục H và ông Danh M.

Hiện nay bà Thị G1, bà Lục H không nhận tài sản thừa kế mà đồng ý giao cho bà T sử dụng. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không chia tài sản thừa kế theo quy định mà công nhận toàn bộ quyền sử dụng đất diện tích 667,6m², thuộc thửa 26, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp A, xã D, huyện G, tỉnh Kiên Giang cho bà Thị Chanh T là không phù hợp với quy định của pháp luật. Theo Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang tại điểm a, khoản 4 Điều 8 quy định “Đất trồng cây lâu năm, đất nông nghiệp khác: Diện tích tối thiểu được tách thửa là 500m²”. Ông M được hưởng diện tích thừa kế không đủ diện tích để tách thửa theo quy định nên phải chia giá trị quyền sử dụng đất cho ông M theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá và tư vấn đầu tư Miền Nam ngày 09/12/2019. Do đó, buộc bà T phải trả cho ông M giá trị quyền sử dụng đất được hưởng thừa kế.

Việc ông M cho rằng là người dân tộc Khmer không nói được tiếng Việt nhưng Tòa sơ thẩm không giải thích hoặc chỉ định người phiên dịch, nay yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G. Xét thấy, ông Danh M có mặt xuyên suốt từ khi thụ lý để làm đơn phản tố, làm bản tự khai và tham gia các lần hòa giải ký, ghi họ tên trong hồ sơ và có mặt tại phiên tòa được Thẩm phán chủ tọa giải thích có yêu cầu người phiên dịch để tham gia tố tụng nhưng ông M không có yêu cầu mà kháng cáo cho rằng là người dân tộc Khmer không nói được tiếng Việt nhưng Tòa sơ thẩm không giải thích hoặc chỉ định người phiên dịch là không có căn cứ và không phù hợp với khoản 2 Điều 83 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố Tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông M. Sửa Bản án số 21/2020/DS-ST, ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang theo hướng buộc bà Thị Chanh T phải trả cho ông M giá trị quyền sử dụng đất phần ông M được hưởng thừa kế; buộc các đương sự phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ông Danh M kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G, ông cho rằng bản thân là người dân tộc Khmer không nói được tiếng Việt nhưng Tòa sơ thẩm không giải thích hoặc chỉ định người phiên dịch. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án ông M có làm đơn yêu cầu phản tố, trong các bản tự khai ngày 28/3/2019, ngày 28/3/2019 gửi Tòa cấp sơ thẩm đều có chữ ký của ông và được viết bằng tiếng Việt. Ngày 12/10/2018, Ủy ban nhân dân xã D hòa giải và lập biên bản, ông M có mặt và ký, ghi họ tên. Tòa án nhân

dân huyện G tiến hành hòa giải và lập biên bản ngày 07/3/2019; ngày 25/10/2019; ngày 06/3/2020 và ngày 30/6/2019 ông M có mặt và ký, ghi rõ họ tên.

Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 16/7/2020 Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa hỏi ông M: “Ông có yêu cầu người phiên dịch tham gia tố tụng không? Ông M im lặng một lúc sau đó lắc đầu và nói không yêu cầu” (BL 129). Như vậy, ông Danh M có mặt xuyên suốt trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, làm đơn phản tố, làm bản tự khai và tham gia các lần hòa giải ký, ghi họ tên trong hồ sơ và có mặt tại P tòa được Thẩm phán chủ tọa giải thích có yêu cầu người P dịch để tham gia tố tụng nhưng ông M không có yêu cầu mà kháng cáo cho rằng là người dân tộc Khmer không nói được tiếng Việt nhưng Tòa sơ thẩm không giải thích hoặc chỉ định người phiên dịch là không có căn cứ và không phù hợp với khoản 2 Điều 83 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại cấp phúc thẩm đã mời người phiên dịch cho ông Danh M là ông Danh G2 - Chuyên viên phòng Lãnh sự người Việt Nam ở nước ngoài – Sở Ngoại vụ tỉnh Kiên Giang. Khi Hội đồng xét xử hỏi, ông M có nói được tiếng Việt.

2. Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Danh M, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về nguồn gốc đất tranh chấp: Các đương sự xác định phần đất tranh chấp có diện tích theo đo đạc thực tế ngày 10/7/2019 là 667,6m², nằm trong 2 công tầm 3 mét thuộc thửa số 26 (khu đo bao ấp A), tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp A, xã D, huyện G, tỉnh Kiên Giang có nguồn gốc là của ông Danh T1, bà Thị Ch khai phá trước năm 1975 và canh tác đến khi chết để lại.

Căn cứ Công văn số 16/UBND-TNMT ngày 10/02/2020 của Ủy ban nhân dân huyện G xác định: Nguồn gốc đất đang tranh chấp có diện tích là 667,6m² nằm trong một phần của thửa 26 (đất thuộc khu đo bao), tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp A, xã D, huyện G, tỉnh Kiên Giang là của ông Danh T1, bà Thị Ch khai phá sử dụng trước năm 1975. Trước đây ông Danh T1, bà Thị Ch chưa đăng ký cấp giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng (CNQSD) đất, nếu ông Danh T1, bà Thị Ch còn sống kê khai đăng ký cấp giấy CNQSD đất thì được xét cấp giấy CNQSD đất theo quy định. Do đó lời khai nại của ông Danh M cho rằng bà Thị Ch chưa được cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà làm di chúc cho Thị Chanh T là không đúng quy định pháp luật là không có căn cứ để xem xét.

- Về di chúc của bà Thị Ch: Tại phiên tòa, ông Danh M cho rằng lúc lập di chúc bà Thị Ch bị bệnh đãng trí, đầu óc không minh mẫn. Xét thấy, Bản di chúc được xác lập vào ngày 29/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện G, tỉnh Kiên Giang và được Ủy ban nhân dân xã chứng thực ngày 29/01/2013, có sự chứng kiến của bà Thị S, bà Thị G1, bà Lục H và ông Danh P thể hiện lúc bà Ch lập di chúc tinh thần minh mẫn và sáng suốt, việc để lại di chúc là sự tự nguyện không bị đe dọa, ép buộc. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm những người chứng kiến đều xác nhận di chúc đúng theo ý chí và nguyện

vọng của bà Ch. Do đó, di chúc lập ngày 29/01/2013 về hình thức là phù hợp với quy định của pháp luật. Ông M cho rằng bà Thị Ch lúc lập di chúc bị bệnh, đầu óc không minh mẫn nhưng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu này, do đó lời khai nại của ông không có cơ sở xem xét.

- Về di sản: Phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích $667,6m^2$ được ông Danh T1, bà Thị Ch khai phá trước năm 1975, ông T1 chết năm 2005 không để lại di chúc, bà Ch chết năm 2014 để lại di chúc cho bà Thị Chanh T toàn bộ phần đất tranh chấp có diện tích $667,6m^2$. Tòa cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thị Chanh T công nhận quyền sử dụng đất theo di chúc diện tích theo đo đạc thực tế là $667,6m^2$ cho bà Thị Chanh T là không đúng quy định pháp luật.

Bởi lẽ, ông T1 chết không để lại di chúc, căn cứ Điều 650, 651 – Bộ luật Dân sự năm 2015 thì di sản của ông được chia cho những người thừa kế theo quy định pháp luật. Bà Ch không thể quyết định phần di sản của ông Danh T1. Vợ chồng ông Danh T1 và bà Thị Ch có 03 người con chung gồm bà Lục H, bà Thị G1 và ông Danh M, phần di sản của ông Danh T1 được chia cho những người thừa kế theo pháp luật gồm: Bà Thị Ch, bà Lục H, bà Thị G1, ông Danh M.

Di sản của ông Danh T1 là 50% (tức $\frac{1}{2}$) di sản chung của vợ chồng ông T1, bà Ch: $667,6m^2/2 = 333,8m^2$ đất.

Và được chia đều làm 04 phần bằng nhau cho những người thừa kế của ông T1 gồm bà Ch, bà Lục H, bà Thị G1, ông Danh M, mỗi người được hưởng là $333,8m^2/4 = 83,45m^2$ đất.

Còn di sản của bà Thị Ch gồm 50% (tức $\frac{1}{2}$) di sản chung của ông Danh T1, bà Thị Ch tạo lập và được hưởng $\frac{1}{4}$ trong phần di sản của ông Danh T1 chết không để lại di chúc; như vậy tổng cộng diện tích đất thuộc di sản của bà Ch là $(333,8m^2 + 83,45m^2) = 417,25m^2$.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Danh P, bà Thị S, bà Lục H, bà Thị G1 yêu cầu công nhận di chúc cho bà Thị Chanh T, nếu Tòa án không công nhận di chúc cho bà Thị Chanh T thì các ông bà đồng ý nhận phần di sản được hưởng và cho lại bà Thị Chanh T. Do đó, Tòa cấp phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện của bà Lục H, bà Thị G1 đối với phần di sản được nhận và cho lại bà Thị Chanh T với diện tích $166,9m^2$ ($83,45m^2/\text{người} \times 2 \text{ người}$).

Đối với phần di sản ông M được hưởng thừa kế của ông Danh T1 là $83,45m^2$: Căn cứ Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang tại điểm a, khoản 4 Điều 8 quy định “*Đất trồng cây lâu năm, đất nông nghiệp khác: Diện tích tối thiểu được tách thửa là $500m^2$* ”. Ông M được hưởng diện tích thừa kế là $83,45m^2$ không đủ diện tích để tách thửa theo quy định nên phải chia giá trị quyền sử dụng đất cho ông M. Tại phiên tòa ông M đồng ý với nội dung Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả của Chứng thư thẩm định giá. Theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá và tư vấn đầu tư Miền Nam ngày 09/12/2019 đơn giá $01m^2$ đất = 336.000 đồng. Như vậy, phần ông M được hưởng thừa kế có giá trị là $83,45m^2 \times$

$336.000\text{đ}/\text{m}^2 = 28.039.200$ đồng. Do đó, buộc bà T trả cho ông M giá trị quyền sử dụng đất được hưởng thừa kế là 28.039.200 đồng.

Từ những nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Danh M, sửa bản án Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2020/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện G theo hướng đã phân tích.

3]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Danh M phải chịu 1.401.960 đồng ($28.039.200 \text{ đồng} \times 5\%$) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà ông Danh M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004102 ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, còn phải nộp 1.101.960 đồng.

+ Bà Thị Chanh T phải chịu án phí đối với phần tài sản được nhận từ bà Lục H, bà Thị G1 cho lại từ phần di sản thừa kế hai bà được nhận thừa kế theo pháp luật của ông Danh T1 là 2.803.920 đồng = $[(28.039.200 \times 2 = 56.078.400 \text{ đồng}) \times 5\%]$, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001014 ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang, còn phải nộp 2.503.920 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo của ông Danh M được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí phúc thẩm, được nhận số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

4. Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là: 4.156.000 đồng, trong đó phí đo đạc là 966.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000407 ngày 02/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G và phí thẩm định giá là 3.190.000 đồng theo hóa đơn số 0000186 ngày 11/12/2019 của Công ty cổ phần bất động sản Kiên Giang. Mỗi bên phải chịu 1/2 là 2.078.000 đồng. Do bà Thị Chanh T đã nộp trước toàn bộ số tiền là 4.156.000 đồng nên ông Danh M phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà T số tiền là 2.078.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 646, 648, 649, 650, 652, 657, 675, 676, 733, 734 - Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 147, 148, 157, 158, 165, 166 – Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Danh M.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị Chanh T đối với bị đơn ông Danh M về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất được hưởng thừa kế theo di chúc của bà Thị Ch.

Công nhận một phần di chúc của bà Thị Ch là hợp pháp đối với di sản của bà Thị Ch tặng cho bà Thị Chanh T quyền sử dụng diện tích đất 417,25m² thuộc thửa số 26 (khu đo bao ấp A), tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp A, xã D, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lục H, bà Thị G1 về việc nhận phần di sản thừa kế của ông Danh T1 và cho lại bà Thị Chanh T với diện tích (83,45m²/người x 2) = 166,9m² tọa lạc tại ấp A, xã D, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Danh M đối với di sản của ông Danh T1.

Buộc bà Thị Chanh T trả cho ông Danh M giá trị quyền sử dụng đất tương đương phần diện tích đất ông Danh M được hưởng thừa kế của ông Danh T1 số tiền là 28.039.200 (*Hai mươi tám triệu không trăm ba mươi chín nghìn hai trăm*) đồng.

Bác yêu cầu phản tố của ông Danh M về việc yêu cầu hủy di chúc của bà Thị Ch lập ngày 29/01/2013.

3. Công nhận quyền sử dụng đất có diện tích theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/7/2019 của TAND huyện G, tỉnh Kiên Giang là 667,6m² thuộc thửa 26, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp A, xã D, huyện G, tỉnh Kiên Giang cho bà Thị Chanh T. Đất có vị trí và sơ đồ kèm theo như sau:

Cạnh 1 - 2 giáp phần còn lại của thửa 26 hiện nay do ông Danh M canh tác có số đo là 12,97 mét.

Cạnh 2 - 3 giáp đất bà Lục H có số đo là 52,99 mét.

Cạnh 3 - 4 giáp lộ giao thông nông thôn có số đo là 12,75 mét.

Cạnh 4 - 1 giáp đất bà Thị Đ2 (hiện nay do ông Danh U - con bà Thị Đ2 canh tác) có số đo là 50,78 mét.

Công nhận cho bà Thị Chanh T được sử dụng cây trồng trên đất gồm: Chuối loại A là 04 cây, loại B là 21 cây, loại C là 04 cây; tắc (hạnh) loại B là 02 cây; sắn loại A là 01 cây; mít loại C là 02 cây; dứa loại A là 01 cây; sao loại A là 01 cây; xương máu loại A là 03 cây; xoài loại B là 01 cây; mai vàng loại B 01 cây; lựu loại B là 01 cây.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Thị Chanh T có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật theo đúng vị trí, diện tích, số đo nêu trên.

Nghiêm cấm mọi hành vi cản trở bà Thị Chanh T sử dụng diện tích 667,6m² đất nêu trên.

4. Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là: 4.156.000 (*Bốn triệu một trăm năm mươi sáu nghìn*) đồng.

+ Ông Danh M phải chịu 2.078.000 đồng (*Hai triệu không trăm bảy mươi tám nghìn đồng*).

+ Bà Thị Chanh T phải chịu 2.078.000 đồng (*Hai triệu không trăm bảy mươi tám nghìn đồng*).

Do bà Thị Chanh T đã nộp trước toàn bộ số tiền là 4.156.000 đồng nên ông Danh M phải hoàn trả cho bà T số tiền là 2.078.000 đồng (*Hai triệu không trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm đồng*).

5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Danh M phải chịu 1.401.960 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà ông Danh M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004102 ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, còn phải nộp 1.101.960 (*Một triệu một trăm lẻ một nghìn chín trăm sáu mươi*) đồng.

+ Bà Thị Chanh T phải chịu án phí đối với phần tài sản được nhận từ bà Lục H, bà Thị G1 cho lại từ phần di sản thừa kế hai bà được nhận thừa kế theo pháp luật của ông Danh T1 là 2.803.920 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001014 ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang, còn phải nộp 2.503.920 (*Hai triệu năm trăm lẻ ba nghìn chín trăm hai mươi*) đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Danh M không phải chịu, được nhận lại số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005155 ngày 03/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

THAM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đã ký

Hoàng Thị Thu Hương

